

Đáp án Môn kế toán hành chính sự nghiệp

Học kỳ II năm 2015 – 2016

Lớp : 13125

Định khoản: 9 điểm

1. N008: 900.000  
C4612: 109.700
2. C008: 138.600  
b) N211: 138.600  
C4612: 138.600  
c) N211: 5.500  
C111: 5.500  
d) N6612: 144.100  
C466: 144.100
3. C008: 14.850  
b) N152: 14.850  
C4612: 14.850  
c) N6612: 500  
C111: 500
4. a) C008: 14.200  
b) N153: 14.200  
C4612: 14.200
5. a) N211: 235.000  
C214: 47.000  
C4612: 188.000  
b) N211: 5.000  
C111: 5.000  
c) N6612: 193.000  
C466: 193.000
6. N111: 50.000  
N112: 15.000  
C511: 200.000
7. a) C008: 50.000  
b) N111: 50.000  
C4612: 50.000
8. a) C008: 109.700  
b) N331: 4.300  
N6612: 4.000  
N332: 101.400
9. N312: 6.000  
N6612: 17.500  
N334: 3.500  
C111: 27.000
10. N511: 200.000  
C342: 160.000  
C4612: 40.000
11. N6612: 72.000  
N334: 31.500  
C332: 103.500
12. a) C008: 268.700  
b) N334: 268.700  
C4612: 268.700  
c) N332: 1.200  
C334: 1.200  
d) N6612: 5.500  
N334: 500  
C312: 6.000
13. N6612: 299.500  
C334:
14. N6612: 4.200  
C153: 4.200
- b) N005: 1.200
15. a) N214: 49.500  
N466: 5.500  
C211: 55.000  
b) N511: 2.000  
C111: 2.000  
c) N111: 5.000  
C511: 5.000
16. N311: 5.000  
C6612: 65.000

b) N4612: 902.600

C6612: 902.600

Phản ánh vào tài khoản chữ T (1 điểm)

TK4612			TK6612	
(16b) 902.600	<u>261.300</u>		<u>191.300</u>	5.000 (15)
	138.600 (2b)		(2d) 144.100	902.600 (16)
	14.850 (3b)		(3c) 500	
	14.200 (4b)		(5c) 193.000	
	188.000 (5a)		(8b) 4.000	
	50.000 (7b)		(9) 17.500	
	109.700 (8b)		(11) 72.000	
	40.000 (10)		(12d) 5.500	
	268.700 (12a)		(13) 299.500	
			(14) 4.200	
902.600	824.050		740.300	907.600
	182.750		24.000	